

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị

2. Ông Võ Đức Huy

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố A, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà Lê Thị Ngọc N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông Nguyễn Hoàng N1 vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc N trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Do quen biết, được hai bên gia đình đồng ý nên bà và ông N1 đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 15/11/2019.

Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông N1 có người phụ nữ khác, cờ bạc. Bà có khuyên nhủ nhưng ông N1 không thay đổi, ngày càng trầm trọng, hôn nhân không thể tháo gỡ. Bà và ông N1 đã ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Bà đang ở nhà trọ tại ấp A, xã N, huyện T. Nhận thấy không thể

hàn gắn cuộc hôn nhân này nên bày cầu được ly hôn với ông N1.

Về con chung: Bà và ông N1 có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Phúc T, sinh ngày 27/4/2021, đang ở chung với ông N1. Khi ly hôn, bà nhường quyền nuôi con cho ông N1. Lý do hiện tại bà đang ở trọ không đủ điều kiện để đảm bảo nuôi con. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà và ông N1 không có nợ, tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt trong các buổi làm việc, không cung cấp bản tự khai hay có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Lê Thị Ngọc N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N1. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Hoàng N1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Nguyễn Hoàng N1 vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà N xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông N1 được pháp luật công nhận là vợ chồng. Bà N kiên quyết xin ly hôn với ông N1 vì không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Ông N1 không đến tòa để giải quyết tranh chấp, không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, yêu cầu xin ly hôn của bà **N** là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Ông **N1** không phản đối về việc bà **N** giao quyền nuôi con chung Nguyễn Hoàng Phúc Thiện, sinh ngày 27/4/2021 cho ông **N1**. Do đó giao con **chung** Nguyễn Hoàng Phúc T1 cho ông **N1** nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **N1** không có đơn yêu cầu bà **N** phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà **N** được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung và tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, ông **N1** không có phản hồi về phần nợ chung và tài sản chung; không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của bà **N** và ông **N1** nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà **N** là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà **N** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông **N1** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Ngọc N** về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với ông **Nguyễn Hoàng N1**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị Ngọc N** được ly hôn với ông **Nguyễn Hoàng N1**.

2. Về con chung:

Giao 01 con chung tên **Nguyễn Hoàng Phúc T1**, sinh ngày 27/4/2021 cho ông **Nguyễn Hoàng N1** chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà **Lê Thị Ngọc N** không phải cấp dưỡng nuôi con do ông **Nguyễn Hoàng N1** không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà **Lê Thị Ngọc N** được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà **Lê Thị Ngọc N** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008246 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ông **Nguyễn Hoàng N1** không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng